

BÁO CÁO

Công tác Kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2022

Thực hiện Thông tư số 01/2020/TT-VPCP của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ ngày 21 tháng 10 năm 2020 quy định chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ (kiểm soát TTHC), Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (UBND Thành phố) báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC năm 2022 như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (VB QPPL)

Trong năm 2022, cơ quan kiểm soát TTHC đã cho ý kiến về đánh giá tác động 01 TTHC quy định tại 01 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố, cụ thể:

Dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ mầm non, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021- 2025.

(Biểu số 01b/VPCP/KSTT đính kèm)

2. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo VB QPPL

Trong năm 2022, cơ quan kiểm soát TTHC đã cho ý kiến về việc quy định hoặc nội dung TTHC tại 22 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của UBND Thành phố, HĐND Thành phố.

Ngoài ra, Thành phố cho ý kiến đối với 04 dự thảo¹ liên quan đến nội dung phân cấp, ủy quyền.

(*Biểu số 02c/VPCP/KSTT đính kèm*).

¹ Công văn số 1142/VP-KSTT ngày 17 tháng 02 năm 2022; 1500/VP-KSTT ngày 04 tháng 3 năm 2022; 1600/VP-KSTT ngày 10 tháng 3 năm 2022; 2198/VP-KSTT ngày 21 tháng 3 năm 2022; 4194/VP-KSTT ngày 03 tháng 6 năm 2022

3. Công bố, Công khai thủ tục hành chính

a) Công bố thủ tục hành chính

Chủ tịch UBND Thành phố đã ban hành 43 quyết định công bố danh mục 531 TTHC trong đó chuẩn hóa 123 TTHC, sửa đổi, thay thế 181 TTHC, bãi bỏ 227 TTHC (bãi bỏ do được thay thế 100 TTHC).

Thành phố hiện có 1766 TTHC đang áp dụng, trong đó TTHC được tiếp nhận tại các sở, ban, ngành là 1436 thủ tục; quận, huyện, thành phố Thủ Đức 212 thủ tục và phường, xã, thị trấn là 118 thủ tục.

(Biểu số 03b/VPCP/KSTT đính kèm).

b) Công khai thủ tục hành chính

Các TTHC được niêm yết công khai, kịp thời, đầy đủ, chính xác tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan thực hiện TTHC và trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

Thành phố đã nhập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu Quốc gia về TTHC đối với 531 TTHC được công bố tại 43 quyết định trong đó chuẩn hóa 123 TTHC, sửa đổi, thay thế 181 TTHC, bãi bỏ 227 TTHC (bãi bỏ do được thay thế 100 TTHC) trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính tại địa chỉ <https://csdl.dichvucong.gov.vn>.

4. Rà soát, đơn giản hóa TTHC

4.1 Rà soát, đơn giản hóa TTHC theo Kế hoạch năm

Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa theo Kế hoạch (1118/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND Thành phố): 141 nhóm TTHC/TTHC.

- Tổng số TTHC đã được rà soát, thông qua phương án đơn giản hóa: 141 nhóm TTHC/ TTHC.

- Phương án đơn giản hóa cụ thể: số TTHC giữ nguyên: 62 TTHC; số TTHC bãi bỏ: 5 TTHC; số TTHC sửa đổi, bổ sung: 72 TTHC; số TTHC liên thông: 02 TTHC.

- Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch rà soát, đơn giản hóa: 100%.

(Biểu số 04/VPCP/KSTT đính kèm)

4.2 Rà soát, đánh giá và đề xuất phương án phân cấp thẩm quyền trong giải quyết thủ tục hành chính

- Rà soát 1892 TTHC (Kế hoạch số 3359/KH-UBND ngày 13/10/2021).

- Đề xuất phương án phân cấp thẩm quyền 133 TTHC (Báo cáo số 183/BC-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2021).

4.3 Rà soát, đơn giản hóa, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền TTHC do không phát sinh hồ sơ liên tục trong 03 năm.

- Phê duyệt phương án đơn giản hóa, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thực thi bãi bỏ 426 TTHC do không phát sinh hồ sơ liên tục trong 03 năm (Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2022 và số 1340/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2022 của UBND Thành phố).

4.4 Rà soát, tái cấu trúc, đơn giản hóa TTHC để cung cấp DVCTT mức độ 3, mức độ 4

- Phê duyệt danh mục 403 TTHC đáp ứng yêu cầu thực hiện DVCTT mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn Thành phố năm 2021 - 2022 (Quyết định số 3895/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2021 và Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2022 của UBND Thành phố).

- Phê duyệt phương án tái cấu trúc, đơn giản hóa TTHC để cung cấp DVCTT mức độ 3, mức độ 4 (Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của UBND Thành phố); chỉ đạo các đơn vị khẩn trương hoàn thành tái cấu trúc TTHC để cung cấp DVCTT mức độ 3, mức độ 4.

4.5 Rà soát đơn giản hóa thủ tục hành chính rút ngắn thời gian tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Kế hoạch số 1224/KH-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2022 và Danh mục ban hành kèm theo Công văn số 2832/UBND-KSTT ngày 12 tháng 8 năm 2022.

Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố đã phối hợp với các đơn vị rà soát, thống kê và thống nhất đề xuất của các sở, ban, ngành phụ trách lĩnh vực Danh mục 58 thủ tục hành chính tiếp nhận và giải quyết trong một ngày làm việc, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành đối với Quyết định phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận và giải quyết trong một ngày làm việc, cụ thể như sau:

- Số thủ tục hành chính cấp sở ngành: 49 thủ tục thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của 19 sở, ban, ngành. Trong đó, có 28 thủ tục (tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Ban Quản lý an toàn thực phẩm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Du lịch, Sở Giao thông vận tải, Sở Văn hóa và Thể Thao, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an Thành phố) theo quy định hiện hành thì thời gian giải quyết là từ 02 đến 15 ngày làm việc.

- Số thủ tục hành chính cấp huyện: 05 thủ tục thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Số thủ tục hành chính cấp xã: 04 thủ tục thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an xã, phường, thị trấn.

5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC

UBND Thành phố (thông qua Văn phòng UBND Thành phố - cơ quan đầu mối tiếp nhận PAKN trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh) đã:

- Tiếp tục vận hành hiệu quả, thông suốt Hệ thống tiếp nhận, xử lý PAKN trên Cổng DVCQG ở 03 cấp trên địa bàn Thành phố; đã phân quyền tiếp nhận, xử lý cho các đơn vị (khoảng 300 tài khoản).

- Tiếp nhận qua các hình thức là 3539 PAKN; thực hiện đánh giá, phân loại và xử lý:

+ Từ chối tiếp nhận hoặc hướng dẫn bổ sung thêm thông tin hoặc đã chuyển Bộ, ngành, địa phương khác xử lý theo đúng thẩm quyền 2835/3539 PAKN không thuộc phạm vi xử lý của Nghị định số 20/2008/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung) hoặc thuộc thẩm quyền xử lý của Bộ, ngành, địa phương khác.

+ Tiếp nhận và chuyển các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thành phố và cơ quan đăng ký đất đai trên địa bàn Thành phố để xử lý 704/3539 PAKN về quy định, TTHC.

- Theo dõi việc xử lý 1380 PAKN của các đơn vị (bao gồm 676 PAKN từ 2021 chuyển qua và 704 PAKN trong năm 2022); đánh giá nội dung phản hồi PAKN và công khai kết quả trả lời 1374 PAKN trên Cổng DVCQG (tỷ lệ công khai đạt 100%). Thành phố còn 06 PAKN còn trong hạn xử lý và đang được cơ quan có thẩm quyền xem xét, phản hồi.

(Biểu số 05b/VPCP/KSTT đính kèm).

6. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC

Tổng số hồ sơ các sở, ban, UBND cấp huyện, UBND cấp xã² nhận giải quyết trong kỳ báo cáo được tổng hợp là: **22.343.787** hồ sơ³ (bao gồm 49.765 hồ sơ kỳ trước chuyển qua, 16.356.402 hồ sơ tiếp nhận trong kỳ và tiếp nhận trực tuyến là 5.937.601 hồ sơ), đã giải quyết 22.305.247 hồ sơ, đang giải quyết 82.459 hồ sơ. Trong số hồ sơ đã giải quyết có 22.267.892 hồ sơ giải quyết đúng hạn (chiếm tỷ lệ 99,84%) và 37.355 hồ sơ giải quyết quá hạn (chiếm tỷ lệ 0,16%).

Số hồ sơ của năm 2022 tăng so với năm 2021 (tổng số nhận giải quyết năm 2021 là 17.860.458 hồ sơ). Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn tăng 0,3% so với năm 2021 (năm 2021 hồ sơ đúng hạn là 99,81%), các đơn vị đảm bảo thực hiện tốt thực hiện thư xin lỗi đối với hồ sơ quá hạn (37.355 thư xin lỗi/37.355 hồ sơ quá hạn).

(Biểu số 06c/VPCP/KSTT/KTTH đính kèm)

² Theo báo cáo của 24/24 sở, ban và 22/22 UBND Thành phố Thủ Đức và quận, huyện (bao gồm số liệu của UBND cấp xã)

³ Trong tổng số hồ sơ được giải quyết có 10.063.829 hồ sơ thuộc các đơn vị ngành dọc (Cục Hải quan thành phố, Công an thành phố) gửi báo cáo tổng hợp – Mục D biểu 6c/VPCP/KSTT/KTTH.

Số lượng hồ sơ được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 là 5.937.601 hồ sơ tăng so với cùng kỳ năm 2021 (năm 2021 có 3.268.394 hồ sơ). Hiện nay, tổng số dịch vụ công trực tuyến (tính đến tháng 12 năm 2022) là: 805/1766 TTHC⁴ đạt tỷ lệ 45,58%.

7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

7.1 Về xây dựng, phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC của các cấp

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Văn phòng UBND Thành phố chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện tập trung tiếp tục thực hiện theo tiến độ tại Kế hoạch số 1089/KH-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2019 và Kế hoạch số 3230/KH-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch UBND Thành phố. Đến nay, Chủ tịch UBND Thành phố đã phê duyệt **1578** quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính.

Triển khai rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Phụ lục danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND và Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND của UBND Thành phố ban hành Quy chế phối hợp giải quyết các TTHC thuộc thẩm quyền quyết định hoặc có ý kiến của UBND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố.

Ban hành văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện nhiệm vụ và tổ chức các cuộc họp chuyên đề (thống nhất danh mục TTHC tiếp tục thực hiện tiếp nhận và giải quyết trong 01 ngày làm việc; rà soát TTHC nội bộ). Thành phố tổ chức và phối hợp tổ chức các Hội nghị tập huấn, triển khai thực hiện nhiệm vụ.

7.2 Triển khai hệ thống đánh giá sự hài lòng gắn với đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

Các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2020 quy định về tổ chức đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn Thành phố; Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố đã tổ chức quán triệt, tập huấn đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm soát TTHC để triển khai thực hiện.

8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

- Thành phố đã phê duyệt Danh mục 403 TTHC đáp ứng yêu cầu thực hiện DVCTT mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021-2022 (Quyết định số 3895/QĐ-UBND ngày ngày 16 tháng 11 năm 2021, Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2022).

⁴ Mức độ 3: 454 TTHC; mức độ 4: 351 TTHC cụ thể sở, ban, ngành: mức độ 3: 273 TTHC; mức độ 4: 249 TTHC; UBND quận, huyện: mức độ 3: 158 TTHC; mức độ 4: 97 TTHC; UBND phường, xã, thị trấn: mức độ 3: 23 TTHC; mức độ 4: 5 TTHC

Ngày 29 tháng 10 năm 2022, Thành phố Hồ Chí Minh đã ra mắt Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố, liên thông kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia; kết nối với cơ sở dữ liệu dân cư của Bộ Công an.

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố đã cung cấp 57 thủ tục bao gồm dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ (triển khai các dịch vụ công của Bộ Công an và Giao thông vận tải) và các dịch vụ công trực tuyến của các Sở: Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý an toàn thực phẩm và Ban Quản lý Khu Chế xuất Khu công nghiệp.

Tính đến ngày 05 tháng 12 năm 2022, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố đã cung cấp thêm 52 dịch vụ công trực tuyến, nâng tổng số dịch vụ công trực tuyến cung cấp là 109 dịch vụ công trực tuyến bao gồm dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ, dịch vụ công trực tuyến tại các sở, ngành, quận, huyện.

Thành phố ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2022 về đẩy mạnh thực hiện giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

Thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ sở một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 2319/VPCP-KSTT ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn sử dụng bộ phận nhận diện thương hiệu; Ngày 25 tháng 8 năm 2022, Ủy ban nhân dân Thành phố Công văn số 2978/UBND-KSTT về việc triển khai thực hiện bộ nhận diện thương hiệu.

- Các đơn vị đã nghiêm túc triển khai thực hiện theo tinh thần Công văn số 2978/UBND-KSTT ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố và đến nay đã có 38 đơn vị triển khai thực hiện trên toàn Thành phố, trong đó có 22 Quận huyện, Thành phố Thủ Đức và 16 đơn vị sở ban ngành Thành phố.

Các đơn vị tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền cải cách TTHC thông qua trang thông tin tiện tử, sử dụng mạng xã hội như Facebook, zalo, tiktok đưa thông tin tuyên truyền.

Sở Nội vụ ban hành Kế hoạch số 4240/KH-SNV ngày 13 tháng 9 năm 2022 về tổ chức hội thi tuyên truyền cải cách hành chính năm 2022 thu hút đông đảo các đơn vị tham gia, với gần 500 clip được các đơn vị gửi đến, trong đó có nhiều clip có chất lượng tuyên truyền cao.

Tháng hành động “Tiếp nhận và giải quyết TTHC (TTHC) ngay trong ngày” năm 2022, Sở Văn hóa và Thể thao đã có văn bản đề nghị Trung tâm Báo chí Thành phố hỗ trợ truyền thông, thông tin rộng rãi đến Nhân dân về việc tiếp tục triển khai thực hiện “Tiếp nhận và giải quyết TTHC ngay trong ngày” năm 2022.

Phối hợp Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh (HTV9) thực hiện tuyên truyền trên phương tiện truyền thông đại chúng về giải pháp “Thí điểm trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử”, đã phát sóng giới thiệu Giải pháp trong Bản tin thời sự buổi tối Thành phố Hồ Chí Minh.

Trung tâm Thông tin - Triển lãm Thành phố (đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Văn hóa và Thể thao) thực hiện tuyên truyền về công tác CCHC trên địa bàn Thành phố nói chung và Tháng hành động “Tiếp nhận và giải quyết TTHC ngay trong ngày” nói riêng bằng hình thức khẩu hiệu cổ động, tranh cổ động gắn liền chủ đề năm 2022 của Thành phố Hồ Chí Minh “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, tiếp tục nâng cao chất lượng xây dựng chính quyền đô thị, cải thiện môi trường đầu tư, đồng hành cùng doanh nghiệp”. Các khẩu hiệu, tranh cổ động này được phát hành trực tuyến đến Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa thành phố Thủ Đức và các quận, huyện tại địa chỉ <http://hieo.org.vn/tranh-co-dong-nam-2022-18072.html> để tuyên truyền trong cả năm 2022 trên toàn địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và được đưa lên các cụm pano cổ động chính trị cổ định do Trung tâm quản lý.

Ngày 05 tháng 3 năm 2022, khoảng 1.000 lượt đoàn viên, thanh niên thuộc các sở ban ngành và các quận huyện, thành phố Thủ Đức đồng loạt ra quân hưởng ứng hoạt động cao điểm Ngày thứ bảy tình nguyện hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp, Đoàn khối Dân - Chính - Đảng tổ chức tọa đàm” Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4” tại Ủy ban nhân dân Quận 12.

Các quận, huyện, thành phố Thủ Đức duy trì các Tổ thực hiện Đề án 06, Tổ tư vấn Dịch vụ công trực tuyến các khu phố, ấp.. trên địa bàn tiếp tục phát huy hiệu quả, thực hiện tuyên truyền và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ công trực tuyến đã góp phần nâng cao tỷ lệ chung của quận trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Các cơ quan, đơn vị thực hiện đăng tải các bài viết có nội dung tuyên truyền về công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, ý nghĩa và lợi ích của việc tham gia thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tổ chức tuyên truyền về Đề án 06 của Chính phủ.

Ngoài ra, tại Bản tin của quận, huyện, thành phố Thủ Đức phát hành hàng tuần tin thường, trong đó có tin, bài, ảnh tuyên truyền và phản ánh hoạt động cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn, các văn bản pháp luật

về công tác cải cách hành chính và các thủ tục hành chính, tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; Nêu gương tập thể, cá nhân điển hình thực hiện tốt, có thái độ tích cực trong công tác cải cách hành chính góp phần hạn chế những hiện tượng tiêu cực, thái độ cửa quyền, hách dịch, gây khó khăn, phiền hà cho cá nhân, tổ chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

Quận Bình Tân tổ chức cuộc thi trực tuyến “Về Chương trình cải cách hành chính và chuyển đổi số” trên địa bàn quận Bình Tân, đến nay đã tổ chức 3 đợt thi với sự tham gia của 2.221 người và khen thưởng 9 cá nhân; đăng tải 11 video clip hướng dẫn đăng ký tài khoản trên Cổng dịch vụ công Bộ Công an và cách sử dụng cụ thể từng bước trong quy trình sử dụng dịch vụ công trực tuyến thiết yếu tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của quận và 10 phường, thực hiện tuyên truyền, thực hiện tuyên truyền về cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính và đăng tải 87 tin/bài, 15 tài liệu tuyên truyền có liên quan về hoạt động của quận và công tác cải cách hành chính tại Trang thông tin điện tử của quận, Zalo quận; thực hiện 15 băng rôn, 05 pano tuyên truyền về cải cách hành chính trên địa bàn quận;

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân 10 phường thực hiện thông tin tuyên truyền trên trang thông tin điện tử, bản tin phường với 56 tin/bài, 37 lượt pano, 341 lượt băng rôn, thực hiện tuyên truyền lưu động và tuyên truyền thông qua các điểm loa đặt tại khu phố các nội dung có liên quan đến cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4...

Huyện Bình Chánh, tổ chức Hội thi trực tuyến “Tìm hiểu, về công tác cải cách hành chính”; qua 02 đợt từ ngày 18 tháng 7 năm 2022 đến ngày 31 tháng 7 năm 2022 có 6.175 thí sinh tham gia là cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Ban Tổ chức đã trao 02 giải nhất, 04 giải nhì, 06 giải ba, 07 giải khuyến khích, 06 giải tập thể, Hội thi đã thu hút đông đảo thí sinh trong và ngoài Huyện tham gia.

Quận Tân Bình, phát hành 2.000 tờ gấp, 1.000 quạt nhựa nan hoa (trong đó phối hợp Đoàn Cơ quan Chính quyền quận phát hành 500 quạt nhựa nan hoa) tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân quận tuyên truyền các chức năng, lĩnh vực, và các ứng dụng cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn quận Tân Bình. Thực hiện in và phát hành 64 tấm standee (bạt có chân giá chữ X) tuyên truyền Thảng hành động "Tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính ngay trong ngày", "Thanh toán bằng ứng dụng ngân hàng hoặc ví điện tử VN-Pay" trong thanh toán điện tử đặt tại 15 phường, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn quận.

10. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC

Sở Công Thương đang triển khai mô hình, sáng kiến: “Xuất hóa đơn lệ phí, phí thẩm định thủ tục hành chính bằng hình thức Hóa đơn điện tử”.

Sở Giao thông vận tải, thực hiện các giải pháp,

- Giải pháp “Xây dựng Quy trình thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực của khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”

- Giải pháp “Tổ chức khảo sát ý kiến người dân theo phương pháp trực tuyến nhằm phục vụ tổ chức, quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- Giải pháp “Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc số hóa lệnh vận chuyển tích hợp hệ thống kiểm soát và thông tin xe buýt (EBMS)” nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Giảm tải công tác nghiệm thu cho các bộ phận, lệnh vận chuyển được lưu trữ ngay trên hệ thống.

- Giải pháp cải tiến công tác nghiệm thu, triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả của công tác quản lý điều hành các tuyến xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Sở Quy hoạch kiến trúc với mô hình: “Xây dựng ứng dụng Thông tin Quy hoạch và Quản lý Quy hoạch trên nền tảng Hệ thống Thông tin Địa lý (GIS) phiên bản mới đã nâng cao hiệu quả công bố, công khai thông tin quy hoạch qua mạng internet mà Sở đã thực hiện từ cuối năm 2017. Các tính năng nâng cấp của ứng dụng “Thông tin Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh” được thực hiện nhằm mục đích giúp người dân thuận tiện hơn trong việc tìm kiếm thông tin quy hoạch, đồng thời thúc đẩy sự tham gia của người dân trong công tác lập và quản lý quy hoạch đô thị.

Ban Quản lý Khu Chế xuất và công nghiệp, cắt giảm 30% thời hạn giải quyết của 03 TTHC (Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, từ 15 ngày giảm xuống 10 ngày; Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, từ 10 ngày giảm xuống 07 ngày; Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài từ 09 ngày giảm xuống 07 ngày); việc cắt giảm thời gian giải quyết TTHC đã giúp tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp, rút ngắn thời gian để doanh nghiệp nhanh chóng thực hiện TTHC tiếp theo.

Sở Văn hóa và Thể thao đã triển khai thực hiện Giải pháp “Thí điểm trả kết quả giải quyết TTHC điện tử” đối với 02 TTHC thuộc lĩnh vực Văn hóa (Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn; Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo). Thông qua việc ứng dụng chữ ký điện tử, chữ ký số cá nhân và ký số của cơ quan Sở, toàn bộ quy trình giải quyết TTHC được thực hiện trực tuyến. Bên cạnh đó, nhằm mục đích phục vụ nhu cầu kiểm tra tính xác thực, nguồn gốc ban hành kết quả giải quyết TTHC điện tử.

Ủy ban nhân dân quận Bình Tân có các nội dung sáng kiến, giải pháp trong thực hiện cải cách thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn quận. cụ thể:

- Thực hiện cắt giảm thời gian đối với thủ tục "Điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc nuôi dưỡng hàng tháng" từ 07 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc.

- Ứng dụng tài khoản định danh điện tử dịch vụ công trực tuyến đối với hồ sơ đăng ký kinh doanh và trợ giúp xã hội.

- Thu lệ phí trước bạ đối với xe mô tô mới đăng ký lần đầu qua hình thức kê khai lệ phí trước bạ điện tử tại trụ sở Công an quận Bình Tân.

Ủy ban nhân dân Quận 4, “Thực hiện TTHC qua hệ thống Zalo” tại UBND Phường 1, cá nhân, tổ chức có nhu cầu thực hiện TTHC gửi tin nhắn vào tài khoản Zalo của bộ phận một cửa UBND phường, đồng thời chụp ảnh các giấy tờ tùy thân liên quan đến thủ tục cần làm, gửi qua tài khoản Zalo. Được áp dụng đối với các TTHC: Xác nhận khai thuế, thu thuế đất; chữ ký chứng thực; tình trạng hôn nhân; cấp bản sao hộ tịch.

- Mô hình “5 trong 1” Hỗ trợ đăng ký hộ kinh doanh tại UBND Phường 6, áp dụng đối với các cơ sở kinh doanh đăng ký hoạt động mới, đồng thời sẽ được hướng dẫn thực hiện hồ sơ cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện về an toàn thực phẩm (đối với các hộ kinh doanh lĩnh vực ăn uống); hướng dẫn thực hiện kê khai thuế; lắp đặt bảng hiệu đúng quy định và hướng dẫn trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

Ủy ban nhân dân quận 1, Giải pháp Ứng dụng chữ ký điện tử Esign để cải tiến quá trình giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến trong lĩnh vực Lao động, Kinh tế - Tài chính và Quản lý đô thị, giảm thời gian xử lý hồ sơ, bổ sung lưu trữ giấy phép điện tử trên hệ thống Một cửa điện tử của quận.

Ủy ban nhân dân Quận 10, tại các phường thực hiện các mô hình:

- Ủy ban nhân dân Phường 4 thực hiện mô hình “3 không”: không đến Ủy ban nhân dân phường (áp dụng đối với thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch, thủ tục xác nhận tình trạng hôn nhân) - không viết đơn (áp dụng đối với thủ tục thuộc lĩnh vực hộ tịch) - không hẹn (áp dụng đối với thủ tục xác nhận tình trạng hôn nhân không phải xác minh).

- Ủy ban nhân dân Phường 6 thực hiện mô hình “Tổ đăng ký khai tử 3.5” để hướng dẫn thủ tục và hỗ trợ cá nhân thực hiện thủ tục liên thông Đăng ký khai tử (đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí) với tổng thời gian thực hiện: 03 giờ 30 phút (3.5 giờ).

- Ủy ban nhân dân Phường 8 thực hiện mô hình “Tra cứu thủ tục hành chính bằng mã QR” kèm theo hướng dẫn quy trình, thủ tục hành chính bằng Infographic; mô hình “Hướng dẫn thực hiện Dịch vụ công trực tuyến tại nhà” thông qua group Zalo “dịch vụ công trực tuyến tại nhà”, Đoàn Thanh niên phối hợp với Công chức chuyên môn đến tận nhà hướng dẫn và đăng ký thủ tục cho người dân; sau khi có kết quả sẽ trả tại nhà và nhận phí dịch vụ.

- Ủy ban nhân dân Phường 10 thực hiện mô hình “Ngày không viết”, “Ngày không hẹn” nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Ủy ban nhân dân Phường 14 thực hiện mô hình “Hồ sơ không giấy” đối với thủ tục “Xác nhận tình trạng hôn nhân”, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính chỉ cần xuất trình bản chính giấy tờ cá nhân để đối chiếu, công chức Tư pháp - Hộ tịch sẽ hỗ trợ tờ khai trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến và quét toàn bộ thành phần hồ sơ liên quan thành định dạng PDF để lưu trữ.

Quận Tân Bình,

- Mô hình “Đơn giản hóa tờ khai khi thực hiện thủ tục liên thông đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi” của Ủy ban nhân dân phường 7, hợp nhất 03 tờ khai thành 01 tờ khai giúp đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân chỉ khai 01 tờ khai duy nhất đối với 03 thủ tục liên thông và nhận kết quả cùng lúc các thủ tục mà người dân yêu cầu, giảm được việc kê khai các thông tin trùng lặp trên các mẫu tờ khai và giảm được biểu mẫu phải nộp cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền

- “Xây dựng và phát hành tờ bướm tuyên truyền về hướng dẫn người dân nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa và tích hợp vào mã QR trên Giấy phép xây dựng về xử phạt vi phạm trật tự xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ tại đô thị theo Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ” của Phòng Quản lý đô thị.

Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ có các mô hình tiêu biểu về cải cách thủ tục hành chính sau:

- Mô hình “Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính” của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện: kết quả trong năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ đã giải quyết rút ngắn thời gian đối với 2.420/3.969 hồ sơ (đạt 60,97%),

- Mô hình giải quyết thủ tục hành chính kết hợp “Cấp số nhà đối với các trường hợp đề nghị cấp giấy phép xây dựng trên thửa đất chưa được cấp số nhà”: kết quả trong năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ đã giải quyết cho 188 hồ sơ

chứng nhận số nhà kèm giấy phép xây dựng, mô hình trên đã mang lại sự hiệu quả, giúp cho người dân tiết kiệm được nhiều thời gian trong việc xin cấp số nhà cũng như tăng sự hài lòng đối với việc phục vụ người dân trên địa bàn huyện.

- Ủy ban nhân dân thị trấn Cần Thạnh với mô hình “Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân” (trường hợp không cần xác minh) từ 05 ngày làm việc còn trong ngày”: đã tiếp nhận và thực hiện 68 hồ sơ đảm bảo thời gian theo đăng ký (đạt tỷ lệ 100%). Hay mô hình “Ngày Thứ sáu không viết và không hẹn”: trong các ngày Thứ sáu hàng tuần, tổ chức, cá nhân đến yêu cầu thực hiện các loại hồ sơ thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, nếu mang đầy đủ các loại giấy tờ sẽ được giải quyết ngay, đồng thời sẽ được hỗ trợ ghi các loại giấy tờ. Kết quả trong năm 2022, thị trấn đã tiếp nhận và thực hiện 235 hồ sơ đảm bảo theo nội dung đăng ký (đạt tỷ lệ 100%).

- Ủy ban nhân dân xã Long Hòa với 08 mô hình, sáng kiến, cách làm mới đã và đang thực hiện, điển hình như: mô hình “Trả hồ sơ khai tử tại nhà và giải quyết hồ sơ chứng thực ngoài giờ hành chính: trong năm đã giải quyết 124 hồ sơ; mô hình “Hỗ trợ thực hiện hồ sơ hành chính đối với trường hợp người già yếu, neo đơn” hay với mô hình “4 tăng - 3 hơn - 3 không” (ứng dụng công nghệ thông tin, công khai - minh bạch, trách nhiệm, sự hài lòng; nhanh hơn, thân thiện, chuyên nghiệp; không phiền hà, không trễ hạn, không viết)

- Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông với mô hình “Rút ngắn thời gian giải quyết đối với Thủ tục đăng ký Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân từ 03 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc, kết quả, trong năm 2022 đã tiếp nhận và giải quyết rút ngắn đối với 210 hồ sơ. Mô hình “Hướng dẫn người dân tham gia thực hiện đăng ký, giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 3 tại nhà (Khai sinh, xác nhận tình trạng hôn nhân, khai tử, trích lục hộ tịch)”, đã hướng dẫn 210 trường hợp. Mô hình “Rút ngắn thời gian giải quyết Thủ tục đăng ký khai sinh, cấp thẻ Bảo hiểm Y tế, đăng ký thường trú từ 10 ngày xuống còn 8 ngày”, kết quả đã giải quyết 08 hồ sơ.

- Ủy ban nhân dân xã Tam Thôn Hiệp với Mô hình “Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ xét duyệt đối tượng bảo trợ xã hội từ 13 ngày làm việc còn 11 ngày làm việc”, kết quả đã giải quyết 58 hồ sơ.

11. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC

UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 1704/KH-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính và đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố và đã tổ chức thực hiện kiểm tra tại 15 đơn vị (gồm 04 sở ngành, 08 UBND thành phố Thủ Đức, quận,

huyện và 03 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Bình Tân, Tân Bình, Phú Nhuận). Đã hoàn thành việc kiểm tra, hiện đang dự thảo Báo cáo kết quả kiểm tra, khảo sát kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022 (Báo cáo số 10666/BC-VP ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Văn phòng UBND Thành phố) và văn bản khắc phục kết quả sau kiểm tra (Công văn số 4685/UBND-KSTT ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch UBND Thành phố).

Ngoài ra, các đơn vị cũng thực hiện tự kiểm tra, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của các cơ quan, đơn vị mình và gửi báo cáo, chấm điểm về UBND Thành phố.

12. Về Kết quả đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố

12.1 Công tác triển khai

Thành phố tiếp tục triển khai đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính tại 359 cơ quan giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (25 sở, ban, ngành; 22 thành phố Thủ Đức, quận, huyện và 312 xã, phường, thị trấn). Các cơ quan tổ chức triển khai đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2020 về tổ chức đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau:

- Tùy từng đặt điểm của mỗi cơ quan, đơn vị việc thu nhận thông tin bằng nhiều phương thức khác nhau, trong đó, chủ yếu thu nhận thông tin bằng hình thức phiếu đánh giá bằng phát phiếu khảo sát, hệ thống đánh giá hài lòng, thiết bị máy tính bảng và kiosk thông tin đặt tại Bộ phận Một cửa của cơ quan, đơn vị; trang thông tin điện tử, kiểm tra; đánh giá nội bộ tại cơ quan, đơn vị.

- Hầu hết các cơ quan, đơn vị thực hiện đánh giá đầy đủ đối với các chỉ số quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND, đánh giá tất cả thủ tục hành chính và hồ sơ hành chính do đơn vị tiếp nhận trong năm. Một số ít cơ quan lựa chọn thực hiện đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính đối với một số chỉ số (31/359 đơn vị, tỷ lệ 8,6%).

- Các đơn vị đã thực hiện đánh giá đối với 4.700 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có tham gia một trong các khâu giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính, trong đó 900 người tại sở, ban, ngành; 1.200 người tại quận, huyện, thành phố Thủ Đức và 2.600 người tại xã, phường, thị trấn.

12.2 Kết quả đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính

- Sở, ban, ngành: 24/25 sở, ban, ngành có kết quả đánh giá xuất sắc (tỷ lệ 96%), 01/24 sở, ban, ngành đang triển khai đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính (tỷ lệ 4%);

- Thành phố Thủ Đức, quận, huyện: 22/22 quận, huyện có kết quả đánh giá xuất sắc (tỷ lệ 100%);

- Xã, phường, thị trấn: 290/312 xã, phường, thị trấn có kết quả đánh giá xuất sắc (tỷ lệ 93%), 19/312 xã, phường, thị trấn có kết quả đánh giá tốt (tỷ lệ 6 %) và 03/312 xã, phường đang triển khai đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính (tỷ lệ 1%).

12.3 Đánh giá chung

- Mặt được

Số lượng cơ quan đạt kết quả đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính với loại xuất sắc cao, đạt 336/359 cơ quan (tỷ lệ 93,6%) là thước đo thể hiện người dân, tổ chức, doanh nghiệp hài lòng với sự phục vụ của cơ quan hành chính trên địa bàn Thành phố.

- Hạn chế, khó khăn

Công tác đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố còn gặp một số khó khăn do cán bộ đầu mối thay đổi chưa kịp được tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố mới ra mắt vào ngày 29 tháng 10 năm 2022 nên phần lớn việc đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính trong năm, cán bộ phải đánh giá và tổng hợp số liệu thủ công nên mất nhiều thời gian trong thực hiện.

13. Nội dung khác

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 1225/KH-UBND, Thành phố đã tổ chức 16 Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về kiểm soát TTHC, cải cách TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn Thành phố trong tháng 9 và 10 năm 2022 cho khoảng 3000 cán bộ, công chức, viên chức là cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC và là bộ phận trực tiếp tham gia hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC tại 31 sở, ban, ngành; 22 UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức; 312 UBND phường, xã, thị trấn và 22 cơ quan đăng ký đất đai trên địa bàn Thành phố.

- Thành phố Ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2022).

- Thực hiện Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2022.

- Thành phố đã công bố và đưa vào hoạt động hệ thống tổng hợp thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành. Hệ thống tổng hợp thông tin kinh tế - xã hội (Dashboard kinh tế - xã hội) được xây dựng căn cứ theo Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành biểu mẫu thu thập hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh.

- Thực hiện triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”, Thành phố đã ban hành các văn bản triển khai Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án 06; Kế hoạch số 922/KH-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022 về triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 925/QĐ-BCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án 06.

II. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Kiến nghị Văn phòng Chính phủ:

- Thống nhất tên lĩnh vực của Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị (Hệ thống PAKN) với tên lĩnh vực thủ tục hành chính của Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ (Hệ thống báo cáo), do tên lĩnh vực tại Hệ thống PAKN không trùng với tên lĩnh vực tại Hệ thống báo cáo nên các đơn vị thực hiện báo cáo gặp khó khăn khi xác định lĩnh vực trên Hệ thống báo cáo (biểu mẫu II.05/VPCP/KSTT). Ngoài ra, thực hiện đồng bộ dữ liệu của 02 Hệ thống để đơn vị thực hiện báo cáo thuận tiện hơn.

- Có hướng dẫn cụ thể đối với bộ nhận diện thương hiệu bộ phận một cửa đối với đồng phục, bảng tên.

- Nghiên cứu, xem xét điều chỉnh tiêu chí đối với chỉ số 9 về tiến độ và chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền được quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-VPCP để phù hợp, khuyến khích đối với những cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết rất nhiều lượng hồ sơ trực tuyến.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2023

1. Tham mưu các báo cáo tổng kết năm 2022, Kế hoạch, chương trình công tác năm 2023

2. Triển khai, thực hiện có hiệu quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023 gắn với Chủ đề năm của Thành phố và phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố năm 2023.

3. Tập trung triển khai có hiệu quả trên địa bàn Thành phố các nhiệm vụ trọng tâm Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao:

- Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 về kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính Nhà nước giai đoạn 2022 - 2025.

- Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 về đẩy mạnh cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành, phục vụ người dân, doanh nghiệp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Nội vụ;
 - Thường trực Thành ủy;
 - Thường trực HĐND TP;
 - TTUB: CT, các PCT;
 - Sở Thông tin và Truyền thông (để công khai kết quả đánh giá trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC TP-Mục 12);
 - Sở Nội vụ (TT BCĐ CCHC TP);
 - VPUB: CVP, các PCVP;
 - Lưu: VT, (KSTTHC/Ngh) TV. *12*
- (Kèm theo 07 biểu mẫu báo cáo).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

01b/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
QUY ĐỊNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Kỳ báo cáo: năm 2022
(Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/12/2022)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân Thành phố
Hồ Chí Minh

Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng chính phủ (Cục
Kiểm soát TTHC).

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Tên dự thảo văn bản QPPL được đánh giá tác động của TTHC	Số lượng TTHC đã được đánh giá tác động					Số lượng TTHC được quy định tại văn bản	
		Tổng số TTHC đánh giá tác động	TTHC được quy định mới	TTHC được sửa đổi, bổ sung	TTHC được bãi bỏ	TTHC được giữ nguyên	Tổng số TTHC được quy định	Số, ký hiệu, ngày, tháng năm ban hành văn bản
1	2	3= 4+5+6+7	4	5	6	7	8	9
I	Quyết định của UBND tỉnh	0	0	0	0	0	0	0
1	không phát sinh	0	0	0	0	0	0	0
II	Nghị quyết của HĐND tỉnh	0	0	0	0	0	0	0
1	Dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ mầm non, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021- 2025	1	1	0	0	0	0	0
2								
	Tổng số	0	0	0	0	0	0	0

02c/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VỀ TTHC
QUY ĐỊNH TẠI DỰ THẢO VBQPPL
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Kỳ báo cáo: năm 2022

(Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/12/2022)

Đơn vị báo cáo:

Ủy ban nhân dân Thành phố

Hồ Chí Minh

Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng Chính phủ

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Tên cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo	Tổng số		Số lượng TTHC được thẩm định theo tên loại VBQPPL				Ghi chú
				Quyết định của UBND		Nghị quyết của HĐND tỉnh		
		TTHC	VB QPPL	Số lượng TTHC	Số lượng VB QPPL	Số lượng TTHC	Số lượng VB QPPL	
	2	3= 5 + 7	4= 6+ 8	5	6	7	8	
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư		5		4		1	- 02 QĐ không quy định TTHC - 01 QĐ lặp lại quy định TW - 01 QĐ có dấu hiệu quy định TTHC --> rà lại có quy định khác TW không và giải trình cụ thể - 01 NQ có dấu hiệu quy định TTHC --> đề nghị rà soát, ĐGTĐ TTHC
2	Sở Nội vụ		1		1			có dấu hiệu quy định TTHC --> rà lại có quy định khác TW không và giải trình cụ thể
3	Sở Thông tin và Truyền thông		2		2			- 01 QĐ lặp lại quy định TW - 01 QĐ có dấu hiệu quy định TTHC --> đề nghị xác định thẩm quyền quy định TTHC

4	Ban Dân tộc		3		1	3	2	- 01 QĐ không quy định TTHC - 01 NQ quy định và ĐGTĐ 02 TTHC nhưng chưa có báo cáo giải trình - 01 NQ quy định và ĐGTĐ 01 TTHC
5	Sở Giao thông vận tải		1		1			có dấu hiệu quy định TTHC --> rà lại, giải trình cụ thể
6	Sở Công Thương		3		3			- 01 QĐ lập lại quy định TW - 02 QĐ có dấu hiệu quy định TTHC --> rà lại, giải trình cụ thể
7	Sở Tài nguyên và Môi trường		2		2			có dấu hiệu quy định TTHC --> rà lại, giải trình cụ thể
8	Sở Tài chính		2		1		1	- 01 QĐ không quy định TTHC - 01 NQ có dấu hiệu quy định TTHC --> giải trình, làm rõ
9	Sở Văn hoá và Thể thao		2		2			- 01 QĐ có dấu hiệu quy định TTHC --> điều chỉnh theo hướng lập lại TW - 01 QĐ có dấu hiệu quy định TTHC --> rà soát, giải trình
10	Sở Khoa học và Công nghệ		1		1			lập lại quy định TW
	Tổng số	0	22	0	18	3	4	

Biểu số 03b/VPCP/KSTT

**SỐ TTHC, VBQPPL ĐƯỢC
CÔNG BỐ, CÔNG KHAI
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Kỳ báo cáo: năm 2022
(Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/12/2022)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ.

I. CÔNG BỐ DANH MỤC TTHC, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA TRUNG ƯƠNG											
STT	Tên cơ quan, đơn vị thực hiện	Số lượng quyết định công bố	Số lượng VBQ PPL quy định TTHC được công bố	Số lượng TTHC đã được công bố				Số lượng TTHC đã được công khai/ không công khai		Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương tính đến thời điểm báo cáo	Ghi chú
				Tổng số	TTHC quy định mới	TTHC sửa đổi, bổ sung	TTHC bãi bỏ	Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (Công khai)	Bãi bỏ hoặc thay thế (Không công khai)		
(1)'	(2)'	(3)'	(4)'	(5)'	(6)'	(7)'	(8)'	(9)'	(10)'	(11)'	
1	Sở Công Thương.	1		10	1	9	0	10	0		
2	Sở Du lịch.	1		8	0	8	0	8	0		
3	Sở Giao thông vận tải.	2		36	6	17	13	23	13		

Biểu số IL.05b/VPCP/KSTT

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH,
KIẾN NGHỊ (PAKN) VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH VÀ
HÀNH VI HÀNH CHÍNH CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Kỳ báo cáo: năm 2022

(Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/12/2022)

Đơn vị báo cáo:Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ
Chí Minh**Đơn vị nhận báo cáo:**

Văn phòng Chính phủ.

STT	Tên ngành, lĩnh vực có PAKN	Tổng số	Số lượng PAKN được tiếp nhận				Kết quả xử lý PAKN									Số PAKN đã xử lý được đăng tải công khai
			Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Đã xử lý				Đang xử lý					
			Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ	Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm		Tổng số	Hành vi hành chính	Quy định hành chính		
								Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ					
	2	3= 4+5=6+7	4	5	6	7	8=9+10 =11+12	9	10	11	12	13=14+15	14	15	16	
1	Bảo hiểm xã hội (y tế, thất nghiệp, thai sản, ...)	12	12	0	10	2	12	12	0	10	2	0	0	0	12	
2	Bảo trợ xã hội	2	2	0	2	0	2	2	0	2	0	0	0	0	2	
3	Bộ phận việc của (tư gia) gian làm việc, thái độ công chức trong hướng dẫn, tiếp nhận hs, trả kết quả,	6	6	0	0	6	6	6	0	0	6	0	0	0	6	
4	Chứng thực	11	11	0	0	11	10	10	0	0	10	1	1	0	10	
5	Đất đai	93	92	1	18	75	92	91	1	18	74	1	1	0	92	
6	Đầu giá tài sản	2	2	0	0	2	2	2	0	0	2	0	0	0	2	
7	Đầu tư tại Việt Nam	1	1	0	0	1	1	1	0	0	1	0	0	0	1	
8	Dược phẩm	1	1	0	0	1	1	1	0	0	1	0	0	0	1	
9	Đường bộ	8	7	1	0	8	8	7	1	0	8	0	0	0	8	
10	Dịch vụ công trực tuyến (cung cấp chứng thực điện tử, vận hành HT GTTHC TP)	6	6	0	0	6	6	6	0	0	6	0	0	0	6	
11	Giáo dục và Đào tạo	1	1	0	0	1	1	1	0	0	1	0	0	0	1	
12	Hộ tịch	25	25	0	2	23	25	25	0	2	23	0	0	0	25	
13	Hoạt động xây dựng	16	16	0	6	10	16	16	0	6	10	0	0	0	16	

06b/VPCP/KSTT

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Kỳ báo cáo: Quý 2 năm 2022
(Từ ngày 15/03/2022 đến ngày 14/06/2022)

Đơn vị báo cáo:

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng Chính phủ.

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Ghi chú
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trả trước hạn	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính									
2	3=4+5+6	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=12+13	12	13		
1	Tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND Thành phố												
	Sở Công Thương												
1	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công Thương)	8	0	8	0	7	2	5	0	1	1	0	
2	Điện (Bộ Công Thương)	104	33	71	0	101	93	8	0	3	3	0	
3	Hóa chất (Bộ Công Thương)	402	11	374	17	383	230	153	0	19	19	0	
4	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	349	45	295	9	324	253	71	0	25	25	0	
5	Quản lý Cảnh tranh (Bộ Công Thương)	394	328	51	15	385	369	16	0	9	9	0	
6	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	237	16	221	0	225	198	27	0	12	12	0	
7	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	2.716	1.011	1.637	68	2.642	2.362	280	0	74	74	0	
8	Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương)	36.114	34.437	1.586	91	35.672	32.267	3.364	41	442	441	1	
9	Giám định thương mại (Bộ Công Thương)	22	13	8	1	22	19	3	0	0	0	0	
10	Khoa học, công nghệ (Bộ Công Thương)	113	112	1	0	110	85	25	0	3	3	0	
	Sở Giáo dục và Đào Tạo												
1	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	5.586	0	5.586	0	5.459	0	5.459	0	65	65	0	
2	Lĩnh vực văn bằng chứng chỉ	3.756	3.756	0	0	3.756	0	3.756	0	0	0	0	
	Sở Giao thông Vận tải												
1	Đường bộ (Bộ Giao thông vận tải)	622.878	90.724	532.084	70	622.767	61.784	560.873	110	111	111	0	
2	Đường thủy nội địa (Bộ Giao thông vận tải)	1.124	0	1.109	15	1.107	1.026	79	2	17	17	0	
	Sở Kế hoạch và Đầu tư												
1	Đầu thầu (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	12	0	8	4	9	1	8	0	3	3	0	
2	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức	55	0	55	0	55	0	55	0	0	0	0	
3	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	6.107	1.818	4.104	185	5.958	5.893	63	2	149	147	2	

	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Ghi chú
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trả trước hạn	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính									
4	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	228.289	225.077	3.212	0	228.289	187.195	41.094	0	0	0	0	
Sở Khoa học và Công nghệ													
1	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	654	633	0	21	454	0	454	0	200	200	0	
2	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ	871	643	14	214	571	0	569	2	300	300	0	
3	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (KHCN)	30.439	30.246	193	0	30.439	0	30.439	0	0	0	0	
Sở Lao động, Thương binh và Xã hội													
1	Bảo trợ xã hội (Bộ Lao động - Thương	4	0	4	0	4	0	4	0	0	0	0	
2	Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Lao động -	166	0	163	3	164	144	20	0	2	2	0	
3	Lao động (Bộ Lao động - Thương binh	1.319	0	1.293	26	1.297	607	690	0	22	22	0	
4	Người có công (Bộ Lao động - Thương	160	0	158	2	153	0	153	0	7	7	0	
5	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Lao	9	1	8	0	9	5	4	0	0	0	0	
6	Việc làm (Bộ Lao động - Thương binh và	216.478	37.003	167.228	12.247	198.440	9.219	189.221	0	18.038	18.038	0	
7	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Lao động -	680	0	680	0	669	138	531	0	11	11	0	
Sở Nội vụ													
1	Tổ chức cán bộ (Bộ Nội vụ)	1	0	1	0	1	0	1	0	0	0	0	
2	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	882	13	869	0	869	0	866	3	13	13	0	
3	Tổ chức - Biên chế (Bộ Nội vụ)	14	0	14	0	14	0	14	0	0	0	0	
4	Tổ chức phi chính phủ (Bộ Nội vụ)	104	11	93	0	102	0	102	0	2	2	0	
5	Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ)	163	0	163	0	163	0	163	0	0	0	0	
6	Văn thư và Lưu trữ nhà nước (Bộ Nội vụ)	444	8	436	0	444	0	444	0	0	0	0	
7	Lĩnh vực Giáo dục Thường xuyên	5	0	5	0	5	0	5		0	0	0	
Sở Nông nghiệp và phát triển Nông													
1	Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	449	362	77	10	444	444	0	0	5	5	0	
2	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	6	0	6	0	6	6	0	0	0	0	0	
3	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	247	247	0	0	247	247	0	0	0	0	0	
4	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát	322	0	322	0	322	288	34	0	0	0	0	
5	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy	32	8	24	0	32	32	0	0	0	0	0	
6	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Phát triển	6.421	700	5.721	0	6.421	6.421	0	0	0	0	0	
7	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Phát triển	21	0	19	2	21	7	14	0	0	0	0	
8	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	2.207	42	2.165	0	2.207	2.207	0	0	0	0	0	

	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Ghi chú
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trả trước hạn	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính									
	Khoa học, Công nghệ và Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	1.522	0	1.522	0	1.518	1.518	0	0	4	4	0	
	Sở Tài chính												
1	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	68	0	68	0	53	0	53	0	15	15	0	
2	Tin học - Thống kê (Bộ Tài chính)	1.004	1.004	0	0	1.004	0	1004	0	0	0	0	
	Sở Tài nguyên và Môi trường												
1	Đất đai (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	609.161	0	585.921	23.240	588.959	0	557.307	31.652	20.202	17.964	2.238	
2	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	57	0	40	17	52	0	52	0	5	5	0	
3	Môi trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	100	2	55	43	57	0	50	7	43	32	11	
4	Tài nguyên nước (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	841	0	586	255	491	0	491	0	350	350	0	
	Sở Thông tin và Truyền thông												
1	Bưu chính (Bộ Thông tin và Truyền thông)	47	36	10	1	47	0	47	0	0	0	0	
2	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	386	97	258	31	379	0	374	5	7	7	0	
3	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Thông tin và Truyền thông)	9.473	7.856	1.227	390	9.348	0	9.338	10	125	125	0	
4	Báo chí (Bộ Thông tin và Truyền thông)	621	316	305	0	621	0	621	0	0	0	0	
	Sở Tư pháp												
1	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	5.205	647	4.558	0	5.205	0	5.205	0	0	0	0	
2	Quốc tịch (Bộ Tư pháp)	189	0	189	0	171	0	171	0	18	18	0	
3	Bán đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	66	0	66	0	66	0	66	0	0	0	0	
5	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	823.319	0	823.319	0	823.319	0	823.319	0	0	0	0	
6	Công chứng (Bộ Tư pháp)	544	0	544	0	544	0	544	0	0	0	0	
8	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	5	0	5	0	5	0	5	0	0	0	0	
9	Luật sư (Bộ Tư pháp)	1.796	0	1.796	0	1.796	0	1.796	0	0	0	0	
10	Lý lịch tư pháp (Bộ Tư pháp)	109.769	47.466	55.799	6.504	100.892	96.048	59	4.785	8.877	8.730	147	
12	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	26	0	26	0	26	0	26	0	0	0	0	
13	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	56	0	56	0	56	0	56	0	0	0	0	
14	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	612	0	610	2	609	535	74	0	3	3	0	
15	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	5	0	5	0	5	0	5	0	0	0	0	
16	Tư vấn pháp luật (Bộ Tư pháp)	35	0	35	0	35	0	35	0	0	0	0	
	Sở Văn Hóa và Thể thao												
1	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	49	33	16	0	49	39	10	0	0	0	0	
2	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	153	127	26	0	153	153	0	0	0	0	0	
3	Nhập khẩu văn hoá phẩm nhằm mục đích	143	142	1	0	142	142	0	0	1	1	0	
4	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	146	144	1	1	145	135	10	0	1	1	0	
5	Văn hóa cơ sở (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	3.985	3.898	63	24	3.985	3.928	57	0	0	0	0	

	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Ghi chú
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trả trước hạn	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính									
	Xuất nhập khẩu văn hóa phẩm không	233	225	8	0	233	206	27	0	0	0	0	
	Sở Xây dựng												
1	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	208	0	208	0	196	0	196	0	12	12	0	
2	Kinh doanh bất động sản (Bộ Xây dựng)	4.464	4.464	0	0	4.464	0	4.464	0	0	0	0	
3	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	359	0	359	0	314	0	314	0	45	45	0	
4	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	10.887	0	10.887	0	10.346	0	10.346	0	541	541	0	
5	Vật liệu xây dựng (Bộ Xây dựng)	19.489	6.600	12.889	0	18.964	0	18.964	0	525	525	0	
6	Xây dựng (Bộ Xây dựng)	149	0	149	0	141	0	141	0	8	8	0	
	Sở Y tế												
1	Khám bệnh, chữa bệnh (bộ y tế) (Bộ Y tế)	9.336	8.027	0	1.309	8.008	0	8.005	3	1.328	1.328	0	
2	Tổ chức cán bộ (y tế) (Bộ Y tế)	4	4	0	0	4	0	4	0	0	0	0	
3	Đào tạo, Nghiên cứu khoa học và Công nghệ thông tin (Bộ Y tế)	35	34	0	1	35	0	35	0	0	0	0	
4	Dược phẩm (Bộ Y tế)	14.953	13.285	0	1.668	13.361	0	13.361	0	1.592	1.592	0	
5	Giám định y khoa (Bộ Y tế)	2.193	7	2.186	0	2.193	0	2.193	0	0	0	0	
6	Trang thiết bị và công trình y tế (Bộ Y tế)	7.788	7.788	0	0	7.788	0	7.788	0	0	0	0	
7	Y tế Dự phòng (Bộ Y tế)	45.302	26.593	18.706	3	45.298	0	45.298	0	4	4	0	
8	Y Dược cổ truyền (Bộ Y tế)	7	0	4	3	6	0	6	0	1	1	0	
	Sở du lịch												
1	Lĩnh vực Lễ hành	2.570	1.544	929	97	2.531	237	2.294	0	39	39	0	
2	Lĩnh vực du lịch khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Sở Quy hoạch Kiến trúc												
1	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc (Bộ Xây	2.196	570	1.619	7	1.964	1.753	211	0	232	232	0	
	Thanh tra thành phố												
1	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính	99	0	99	0	99	41	56	2	0	0	0	
2	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	1	0	1	0	1	0	1	0	0	0	0	
3	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra	976	0	970	6	976	0	976	0	0	0	0	
	Tiếp công dân (Thanh tra Chính phủ)	2.147	0	2.147	0	2.129	1.013	1.078	38	18	18	0	
	Ban quản lý Khu Nam												
1	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc (Bộ Xây	44	0	44	0	43	38	5	0	1	1	0	

Lĩnh vực giải quyết	Tổng số	Trực tuyến	Trong kỳ		Trực tiếp, dịch vụ bưu chính	Trực tiếp	Số lượng hồ sơ tiếp nhận					Số lượng hồ sơ đang giải quyết	Ghi chú	
			Trực tiếp	Trong kỳ			Trả trước hạn	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Trả qua hạn			Số lượng hồ sơ đang giải quyết
2	13	0	13	0	13	12	1	0	0	0	0	0		
Ban quản lý các khu chế xuất - Công nghiệp	1	356	82	274	0	350	308	42	6	6	0	0		
	2	233	36	197	0	229	161	68	4	4	0	0		
	3	2.180	1.517	663	0	2.147	1.954	193	0	33	33	0		
	Ban quản lý Khu công nghệ cao													
	1	4	0	4	0	4	0	0	4	0	0	0	0	
	2	112	1	111	0	104	67	29	8	4	4	4	0	
	3	112	1	111	0	104	67	29	8	4	4	4	0	
	2	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	112	1	111	0	104	67	29	8	4	4	0	
	3	Lao động (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	32	0	32	0	31	31	1	0	0	0	0	
	4	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	1	0	1	0	0	1	1	0	0	0	0	
5	Việc làm (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	558	548	10	0	551	549	1	1	7	7	0		
6	Xây dựng (Bộ Xây dựng)	38	0	38	0	37	23	12	2	1	1	0		
Ban quản lý An toàn thực phẩm														
1	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng (Bộ Y tế)	75.394	74.144	1.250	0	75.045	7.954	67.091	0	349	349	0		
Tổng (A)														
2.942.108														
634.535														
2.260.971														
46.602														
2.888.108														
428.387														
2.423.044														
36.677														
53.938														
51.535														
2.403														
II														
Tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND cấp huyện														
1	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	44.567	19.536	25.021	10	44.544	2.779	41.765	0	23	23	0		
2	Tổ chức căn bộ (Bộ Nội vụ)	223	0	223	0	223	0	223	0	0	0	0		
3	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	758	514	244	0	721	0	721	0	37	37	0		
4	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng (Bộ Y tế)	2.244	1.047	1.168	29	2.174	997	1.177	0	70	70	0		
5	Bảo trợ xã hội (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	625	0	625	0	625	0	625	0	0	0	0		
6	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	1	0	1	0	1	0	1	0	0	0	0		

Lĩnh vực giải quyết	Tổng số	Số lượng hồ sơ tiếp nhận						Số lượng hồ sơ đã giải quyết	Số lượng hồ sơ đang giải quyết	Ghi chú
		Trong kỳ		Số lượng hồ sơ đã giải quyết						
		Trực tiếp, dịch vụ bưu chính	Từ kỳ trước	Trả trước hạn	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số			
7	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	1.349,574	642	1.348,932	0	1.349,574	266	1.349,308	0	0
8	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	590	0	587	3	586	5	581	0	4
9	Công chứng (Bộ Tư pháp)	1.834	0	1.834	0	1.834	0	1.834	0	0
10	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công Thương)	7	2	5	0	7	4	3	0	0
11	Đất đai (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	11.146	859	9.343	944	10.660	6	10.362	292	468
12	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	23	0	23	0	23	0	23	0	0
13	Đường bộ (Bộ Giao thông vận tải)	1.986	662	1.302	22	1.905	757	1.146	2	81
14	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	462	0	454	8	342	42	176	124	120
15	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	64	0	63	1	58	8	46	4	6
16	Giải quyết Mâm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	34	0	34	0	33	2	31	0	1
17	Giải quyết nghề nghiệp - Thương binh và Xã hội)	414	0	414	0	414	0	414	0	0
18	Giải quyết Tiêu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	63	0	63	0	63	0	63	0	0
19	Giải quyết Trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	541	57	484	0	541	0	541	0	0
20	Giải quyết và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	2.720	10	2.710	0	2.709	373	2.336	0	11
21	Hà tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng)	1.327	984	343	0	1.322	656	666	0	5

	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Ghi chú
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trả trước hạn	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính									
22	Hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế và khu công nghệ cao (Bộ Xây dựng)	1.900	1.900	0	0	1.884	567	1.317	0	16	16	0	
23	Hệ thống văn bản, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	891	5	886	0	891	16	875	0	0	0	0	
24	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	32	0	32	0	32	0	32	0	0	0	0	
25	Lao động (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	5.182	986	3.207	989	5.182	166	5.016	0	0	0	0	
26	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	1.022	296	726	0	1.008	323	685	0	14	14	0	
27	Lý lịch tư pháp (Bộ Tư pháp)	132	0	132	0	132	0	132	0	0	0	0	
28	Môi trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	190	72	118	0	144	39	104	1	46	46	0	
29	Người có công (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	141	2	139	0	141	44	97	0	0	0	0	
30	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	2	0	2	0	2	0	2	0	0	0	0	
31	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	44	0	44	0	44	0	44	0	0	0	0	
32	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	368	0	368	0	368	0	368	0	0	0	0	
33	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	26	19	7	0	26	21	5	0	0	0	0	
34	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	23.974	15.010	8.807	157	23.270	4.207	18.837	226	704	701	3	
35	Quản lý nhà và thị trường bất động sản (Bộ Xây dựng)	19	19	0	0	19	19	0	0	0	0	0	
36	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	9.760	2.885	6.844	31	9.642	3.427	6.215	0	118	118	0	

Lĩnh vực giải quyết	Tổng số	Trực tuyến	Số lượng hồ sơ tiếp nhận		Trực tiếp, dịch vụ bưu chính	Từ kỳ trước	Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Trả qua hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	Ghi chú
			Tổng số	Trực tiếp			Trả trước hạn	Trả đúng hạn	Trả qua hạn						
37	28	19	6	3	28	6	22	0	0	0	0	0	0	0	
38	6.271	6.269	2	0	6.271	4.461	1.810	0	0	0	0	0	0	0	
39	87	29	58	0	87	16	71	0	0	0	0	0	0	0	
40	42	0	42	0	42	13	29	0	0	0	0	0	0	0	
41	15	0	15	0	15	0	15	0	0	0	0	0	0	0	
42	97.648	77.334	20.259	55	97.631	28.851	68.764	16	17	17	0	0	0	0	
43	1.915	372	1.539	4	1.906	144	1.762	0	9	9	0	0	0	0	
44	3.824	928	2.896	0	3.824	223	3.601	0	0	0	0	0	0	0	
45	5.234	0	5.234	0	5.230	18	5.212	0	4	4	0	0	0	0	
46	1	0	1	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
47	30	0	30	0	30	2	28	0	0	0	0	0	0	0	
48	39	0	39	0	39	0	39	0	0	0	0	0	0	0	
49	390	0	375	15	375	0	375	0	15	15	0	0	0	0	
50	19.842	940	18.886	16	19.823	121	19.702	0	19	19	0	0	0	0	
51	27.611	12.176	14.865	570	27.036	10.427	16.608	1	575	575	0	0	0	0	

	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Ghi chú
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trả trước hạn	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính									
52	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	192	0	191	1	192	0	192	0	0	0	0	
53	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	7	0	7	0	7	0	7	0	0	0	0	
54	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	76	0	76	0	76	0	76	0	0	0	0	
55	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	12	0	12	0	12	0	12	0	0	0	0	
56	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	68	23	45	0	68	0	68	0	0	0	0	
57	An toàn lao động trong thi công xây dựng công trình (Bộ Xây dựng)	1.231	1.231	0	0	1.176	0	1.176	0	55	55	0	
	Tổng (B)	1.627.449	144.828	1.479.763	2.858	1.625.013	59.006	1.565.341	666	2.436	2.351	85	
Tổng hợp tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền của các UBND cấp xã													
1	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	638.219	167.149	471.070	0	681.997	103.947	578.049	1	25	25	0	
2	Hoạt động khác (Ngân hàng Chính sách xã hội)	91	0	91	0	91	0	91	0	0	0	0	
3	Hoạt động tín dụng (Ngân hàng Chính sách xã hội)	95	0	95	0	95	0	95	0	0	0	0	
4	Tổ chức cán bộ (Bộ Nội vụ)	11	0	11	0	11	0	11	0	0	0	0	
5	Bán đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	2	2	0	0	2	0	2	0	0	0	0	
6	Bảo hiểm xã hội (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	1.912	0	1.912	0	1.912	0	1.912	0	0	0	0	
7	Bảo hiểm y tế (Bộ Quốc phòng)	3.022	0	3.022	0	3.022	3.022	0	0	0	0	0	
8	Bảo trợ xã hội (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	39.990	770	39.115	105	39.928	4.479	35.449	0	62	62	0	
9	Cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế (Bảo hiểm xã hội Việt Nam)	8.220	499	7.721	0	8.220	143	8.077	0	0	0	0	

Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận			Số lượng hồ sơ đã giải quyết			Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Ghi chú		
	Tổng số	Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính	Trước kỳ	Tổng số	Trả trước hạn	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số		Trong hạn	Quá hạn
10	150	0	150	0	150	0	150	0	0	0	0	
11	35	0	35	0	35	0	35	0	0	0	0	
12	6.638,312	10,389	6,627,923	0	6,638,312	538,574	6,099,738	0	0	0	0	
13	29	0	29	0	29	2	27	0	0	0	0	
14	1	0	1	0	1	0	1	0	0	0	0	
15	52	0	52	0	52	0	52	0	0	0	0	
16	10,362	305	10,056	1	10,341	838	9,494	9	21	21	0	
17	20	3	17	0	20	0	20	0	0	0	0	
18	1	0	1	0	1	0	1	0	0	0	0	
19	212	0	212	0	212	0	212	0	0	0	0	
20	27,868	3,454	24,414	0	27,868	2,011	25,857	0	0	0	0	
21	209	0	207	2	209	2	207	0	0	0	0	
22	9	0	9	0	9	1	8	0	0	0	0	
23	33	0	33	0	33	4	29	0	0	0	0	
24	39	0	39	0	39	0	39	0	0	0	0	
25	40	0	40	0	40	0	40	0	0	0	0	
26	794	0	794	0	794	0	794	0	0	0	0	
27	12,937	247	12,690	0	12,937	593	12,344	0	0	0	0	
28	463	0	463	0	463	15	448	0	0	0	0	
29	1	0	1	0	1	0	1	0	0	0	0	
30	0	0	197	0	197	0	197	0	0	0	0	
31	2,324	0	2,324	0	2,324	0	2,324	0	0	0	0	

	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Ghi chú
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trả trước hạn	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính									
32	Nghĩa vụ quân sự (Bộ Quốc phòng)	10.115	49	10.066	0	10.115	0	10.115	0	0	0	0	
33	Người có công (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	3.992	23	3.967	2	3.990	244	3.746	0	2	2	0	
34	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	187	19	168	0	179	0	179	0	8	8	0	
35	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	13	0	13	0	11	2	9	0	2	2	0	
36	Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng)	230	0	230	0	230	0	230	0	0	0	0	
37	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	514	31	483	0	514	4	510	0	0	0	0	
38	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	266	0	266	0	266	2	264	0	0	0	0	
39	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	208	0	208	0	208	7	201	0	0	0	0	
40	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	321	214	107	0	321	94	227	0	0	0	0	
41	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	25.948	0	25.948	0	25.948	0	25.948	0	0	0	0	
42	Thanh tra (Bộ Tài chính)	3	0	3	0	3	0	3	0	0	0	0	
43	Thẻ dực thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	48	0	48	0	48	0	48	0	0	0	0	
44	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	10.407	13	10.394	0	10.407	988	9.419	0	0	0	0	
45	Thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (Bảo hiểm xã hội Việt Nam)	5.030	100	4.930	0	5.030	1.156	3.874	0	0	0	0	
46	Thu Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, BHTNLD-BNN (Bảo hiểm xã hội Việt Nam)	7.414	0	7.414	0	7.414	0	7.414	0	0	0	0	
47	Thực hiện chính sách bảo hiểm y tế (Bảo hiểm xã hội Việt Nam)	1.693	0	1.693	0	1.693	0	1.693	0	0	0	0	
48	Thuế (Bộ Tài chính)	92	70	22	0	92	0	92	0	0	0	0	
49	Tiếp công dân (Thanh tra Chính phủ)	5.939	2	5.928	9	5.922	286	5.636	0	17	17	0	
50	Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ)	55	3	52	0	55	9	46	0	0	0	0	
51	Trẻ em (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	63	0	63	0	63	0	63	0	0	0	0	

	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Ghi chú
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trả trước hạn	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính									
52	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	33	0	33	0	33	0	33	0	0	0	0	
53	Tư vấn pháp luật (Bộ Tư pháp)	16	0	16	0	16	1	15	0	0	0	0	
54	Tuyển sinh quân sự (Bộ Quốc phòng)	2	0	2	0	2	0	2	0	0	0	0	
55	Văn hóa cơ sở (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	197.058	0	197.058	0	197.058	1.389	195.669	0	0	0	0	
56	Việc làm (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	14.196	0	14.012	184	14.196	365	13.831	0	0	0	0	
57	Xây dựng (Bộ Xây dựng)	548	212	336	0	548	0	548	0	0	0	0	
58	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	1.065	229	834	2	1.051	34	1.015	2	14	14	0	
59	Hộ tịch - Đăng ký, quản lý cư trú - Tài chính y tế (Bộ Tư pháp)	37.020	8.012	29.008	0	37.016	1.172	35.844	0	4	4	0	
60	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	60	0	60	0	60	0	60	0	0	0	0	
61	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	177	0	177	0	177	0	177	0	0	0	0	
62	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	132	0	132	0	132	30	102	0	0	0	0	
63	Thực hiện chính sách bảo hiểm y tế (Bảo hiểm xã hội Việt Nam)	983	70	913	0	983	0	983	0	0	0	0	
64	Lĩnh vực khác (Ngân hàng Chính sách xã hội)	124	0	124	0	124	0	124	0	0	0	0	
65	Thi đua - khen thưởng (Bộ Tài chính)	977	0	977	0	977	23	954	0	0	0	0	
	Tổng (C)	7.710.382	191.865	7.518.212	305	7.754.227	659.437	7.094.778	12	155	155	0	
III	Tổng hợp tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền của các cơ quan ngành dọc												
	Hải quan thành phố												
1	Hải quan (Bộ Tài chính)	3.089.560	2.919.581	169.979	0	3.089.560	0	3.089.560	0	0	0	0	0
	Công an thành phố												
1	Cấp, quản lý căn cước công dân (Bộ Công an)	3.501.423	91.101	3.410.322	0	3.490.165	0	3.490.165	0	11.258	11.258	0	

	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Ghi chú
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trả trước hạn	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính									
2	Chính sách (Bộ Công an)	1.608	0	1.608	0	1.608	0	1.608	0	0	0	0	
3	Đăng ký, quản lý con dấu (Bộ Công an)	3.396	190	3.206	0	3.396	0	3.396	0	0	0	0	
4	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	1.555.585	707.144	848.441	0	1.547.999	0	1.547.999	0	7.586	7.586	0	
5	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông đường bộ (Bộ Công an)	632.129	73.740	558.389	0	625.855	0	625.855	0	6.274	6.274	0	
6	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	12.596	3.116	9.480	0	12.162	0	12.162	0	434	434	0	
7	Quản lý ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự (Bộ Công an)	1.122	148	974	0	1.122	0	1.122	0	0	0	0	
8	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo (Bộ Công an)	8480	901	7.579	0	8480	0	8.480	0	0	0	0	
9	Quản lý xuất nhập cảnh (Bộ Công an)	1.213.508	1.170.452	43.056	0	1.213.130	0	1.213.130	0	378	378	0	
10	Tổ chức, cán bộ (Bộ Công an)	44422	0	44.422	0	44422	0	44.422	0	0	0	0	
	Tổng (D)	10.063.829	4.966.373	5.097.456	0	10.037.899	0	10.037.899	0	25.930	25.930	0	
	Tổng (A) + (B) + (C) + (D)	22.343.768	5.937.601	16.356.402	49.765	22.305.247	1.146.830	21.121.062	37.355	82.459	79.971	2.488	

Biểu số II.07b/VPCP/KSTT

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ”
TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Kỳ báo cáo: năm 2022

(Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/12/2022)

Đơn vị báo cáo:

UBND Thành phố Hồ Chí Minh

Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng Chính phủ.

Đơn vị tính: TTHC, %.

I SỐ LƯỢNG TTHC TRIỂN KHAI TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA*

STT	Lĩnh vực	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương				TTHC được thực hiện theo CCMC, MCLT				Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành			
		Tổng số TTHC	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Tổng số TTHC	Tại BPMC cấp tỉnh	Tại BPMC cấp huyện	Tại BPMC cấp xã	Tổng số quy trình	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp Xã
1	2	(3)=(4)+(5)+(6)	4	5	6	(7)=(8)+(9)+(10)	8	9	10	(11)=(12)+(13)+(14)	12	13	14
1	Công Thương	130	115	15	0	130	115	15	0	130	115	15	0
2	Giáo dục và đào Tạo	97	55	38	4	97	55	38	4	82	55	23	4
3	Giao thông Vận tải	153	149	4	0	153	149	4	0	153	149	4	0
4	Kế hoạch và Đầu tư	126	100	26	0	126	100	26	0	125	102	23	0
5	Khoa học và Công nghệ	50	50	0	0	50	50	0	0	37	37	0	0
6	Lao động, Thương binh và Xã hội	141	73	26	42	141	73	26	42	145	86	24	35
7	Nội vụ	97	67	20	10	99	67	20	12	86	56	20	10
8	Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	131	105	16	10	132	105	16	11	89	81	5	3
9	Tài chính	13	10	3	0	13	10	3	0	5	2	3	0
10	Tài nguyên và Môi trường	131	129	2	0	131	129	2	0	131	129	2	0
11	Thông tin và Truyền thông	47	47	0	0	47	47	0	0	40	40	0	0
12	Tư pháp	231	162	29	40	232	162	28	42	231	162	28	41
13	Văn Hóa và Thể thao	77	59	15	3	77	59	15	3	75	58	14	3
14	Xây dựng	43	37	6	0	43	37	6	0	22	12	10	0
15	Y tế	148	145	2	1	148	145	2	1	114	113	0	1
16	Du lịch	27	27	0	0	27	27	0	0	24	24	0	0
17	Quy hoạch Kiến trúc	11	9	2	0	11	9	2	0	8	7	1	0
18	Thanh tra thành phố	20	8	6	6	20	8	6	6	0	0	0	0
19	Dân tộc	2	0	0	2	2	0	0	2	0	0	0	0
20	An toàn thực phẩm	11	9	2	0	11	9	2	0	14	12	2	0

21	Ban quản lý các khu chế xuất- Công nghiệp	46	46	0	0	40	46	0	0	56	56	0	0
22	Ban quản lý Khu Nam	15	15	0	0	15	15	0	0	8	8	0	0
23	Ban Quản lý Khu công nghệ cao	19	19	0	0	19	19	0	0	3	3	0	0
Tổng cộng		1.732	1.436	212	118	1.770	1.436	211	123	1.578	1.307	174	97

II KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP TỈNH, HUYỆN

STT	Đơn vị/Lĩnh vực	Cấp tỉnh		Cấp huyện	
		Số lượng TTHC	Tỷ lệ	Số lượng TTHC	Tỷ lệ
1	Sở Công Thương	115	0	15	0
2	Sở Giáo dục và Đào Tạo	55	0	38	0
3	Sở Giao thông Vận tải	149	0	4	0
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	91/100	80%	26	0
5	Sở Khoa học và Công nghệ	50	0	0	0
6	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	73	0	26	0
7	Sở Nội vụ	67	0	20	0
8	Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	105	0	16	0
9	Sở Tài chính	10	0	3	0
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	129	0	2	0
11	Sở Thông tin và Truyền thông	47	0	0	0
12	Sở Tư pháp	162	0	3/29	10%
13	Sở Văn Hóa và Thể thao	59	0	15	0
14	Sở Xây dựng	37	0	6	0
15	Sở Y tế	145	0	2	0
16	Sở du lịch	27	0	0	0
17	Sở Quy hoạch Kiến trúc	9	0	2	0
18	Thanh tra thành phố	8	0	6	0
19	Dân tộc	0	0	0	0
20	Ban quản lý An toàn thực phẩm	9	0	2	0
21	Ban quản lý các khu chế xuất- Công nghiệp	46	0	0	0
22	Ban quản lý Khu Nam	15	0	0	0
23	Ban Quản lý Khu công nghệ cao	19	0	0	0
Tổng số		91/1766	5%	3/212	2%

* Số TTHC chỉ tính thực hiện sở, ban, cấp huyện và cấp xã, không tính số TTHC áp dụng tại các đơn vị khác